

Số: 1485/QĐ-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày 05 tháng 09 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007, Thông tư 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/08/2013 sửa đổi bổ sung quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, về việc cấp học bổng khuyến khích học tập, chính sách và trợ cấp xã hội đối với sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-ĐHHHVN ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, về việc ban hành quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản của hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập ngày 21/08/2018 và kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên học kì II năm học 2017-2018;

Theo đề nghị của Trường phòng CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập học kì I năm học 2018-2019 tính theo kết quả học tập và rèn luyện học kì II năm học 2017-2018 cho 537 sinh viên (có danh sách kèm theo)

Tổng số tiền 2.181.350.000 đồng trong đó:

- Đại học 496 sinh viên: 2.013.500.000 đồng.
- Viện Đào tạo Chất lượng cao 41 sinh viên: 167.850.000 đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, Đào tạo, CTSV, KH-TC, Trưởng các Khoa/Viện có sinh viên, sinh viên có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.



TS. Nguyễn Khắc Khiêm

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I (NĂM HỌC 2018-2019)**

(Kèm theo Quyết định số: 1485/QĐ-ĐHHVN, ngày 05 tháng 09 năm 2018)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TBC Học tập	Điểm thưởng	Điểm RL	ĐT HB	Số tiền (5 tháng / kỳ)	Ghi chú
Hệ: Đại học chính quy										
Khoa: Khoa Công nghệ thông tin										
Lớp: CNT55ĐH1										
1	56790	Nguyễn Tuấn	Anh	04.09.1995	3.47	0.2	90	3.67	4,250,000	
2	56800	Nguyễn Văn	Cương	12.04.1995	3.74	0	90	3.74	4,250,000	
3	56823	Nguyễn Mạnh	Hùng	11.05.1996	3.91	0	99	3.91	4,250,000	
Tổng lớp:									12,750,000	
Lớp: CNT55ĐH2										
1	56886	Nguyễn Đại	Dương	29.09.1996	3.79	0	90	3.79	4,250,000	
2	56918	Phạm Xuân	Quang	11.12.1996	3.62	0.05	100	3.67	4,250,000	
3	56947	Đổng Xuân	Việt	19.08.1996	3.53	0.2	99	3.73	4,250,000	
Tổng lớp:									12,750,000	
Lớp: CNT56ĐH										
1	63672	Đỗ Anh	Đại	03.04.1997	4	0.05	90	4.05	4,250,000	
2	63633	Trần Thị	Hiền	13.12.1997	3.56	0	89	3.56	4,000,000	
3	63658	Nguyễn Bá	Tiến	17.08.1997	3.55	0	80	3.55	4,000,000	
4	63698	Lưu Thị	Trang	09.02.1997	3.59	0	80	3.59	4,000,000	
5	63663	Lại Thị Hải	Yến	18.01.1997	3.56	0.05	99	3.61	4,250,000	
Tổng lớp:									20,500,000	
Lớp: CNT57ĐH										
1	68428	Nguyễn Thị	Duyên	22.11.1998	3.5	0	89	3.5	4,000,000	
2	67768	Hà Bạch	Ngân	15.06.1998	3.42	0	84	3.42	4,000,000	
3	68037	Lưu Văn	Quyết	28.01.1998	3.69	0	90	3.69	4,250,000	
4	69535	Phạm Như	Quỳnh	07.08.1998	3.44	0	84	3.44	4,000,000	
Tổng lớp:									16,250,000	
Lớp: CNT58ĐH										
1	74458	Ngô Trung	Kiên	19.08.1999	3.53	0	95	3.53	4,000,000	
2	73374	Đào Thị	Lành	21.08.1999	3.19	0.05	95	3.24	4,000,000	
3	74483	Nguyễn Thị	Liên	09.03.1999	3.09	0	95	3.09	3,700,000	
4	75288	Phạm Trung	Thành	03.12.1999	3.34	0	90	3.34	4,000,000	
5	73934	Lê Đức	Trang	20.11.1999	3.19	0.05	88	3.24	4,000,000	
6	75353	Phạm Thanh	Tùng	21.09.1999	3.12	0	86	3.12	3,700,000	
7	75780	Trần Trọng	Văn	14.12.1999	3.53	0	90	3.53	4,000,000	
Tổng lớp:									27,400,000	

Lớp: KPM55ĐH1										
1	57320	Ngô Đăng	Hoàng	03.04.1996	3.1	0.15	98	3.25	4,000,000	
Tổng lớp:									4,000,000	
Lớp: KPM55ĐH2										
1	57355	Phạm Thị	Anh	04.10.1995	3	0	88	3	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Lớp: KPM56ĐH										
1	63985	Nguyễn Mạnh	Cường	23.05.1997	3.31	0.15	89	3.46	4,000,000	
2	63989	Đỗ Văn	Hiếu	03.03.1997	3.19	0	83	3.19	3,700,000	
3	64027	Nguyễn Đức	Hiếu	04.08.1997	3.44	0.05	94	3.49	4,000,000	
4	64004	Đỗ Minh	Nghĩa	12.09.1997	3.13	0	85	3.13	3,700,000	
5	64006	Bùi Vương	Phi	14.01.1997	3.28	0	89	3.28	4,000,000	
6	64052	Vũ Thị Phương	Trang	21.05.1997	3.16	0	88	3.16	3,700,000	
Tổng lớp:									23,100,000	
Lớp: KPM57ĐH										
1	70383	Vũ Thị	Mơ	21.02.1998	3.47	0.05	99	3.52	4,000,000	
2	69695	Phạm Thị Hà	Phượng	19.10.1998	3.13	0	80	3.13	3,700,000	
3	70099	Tô Hương	Quỳnh	06.08.1998	3.25	0.05	94	3.3	4,000,000	
Tổng lớp:									11,700,000	
Lớp: KPM58ĐH										
1	74561	Nguyễn Thị Hồng	Mận	29.07.1999	3.34	0	84	3.34	4,000,000	
2	75217	Phạm Quỳnh	Nga	15.10.1999	3.15	0	83	3.15	3,700,000	
3	75664	Trần Duy	Phong	07.09.1999	3.38	0	84	3.38	4,000,000	
4	73892	Lê Thị Hoài	Phượng	06.05.1999	2.94	0	83	2.94	3,700,000	
Tổng lớp:									15,400,000	
Lớp: TTM55ĐH2										
1	57453	Nguyễn Minh	Châu	10.11.1996	3.81	0	97	3.81	4,250,000	
2	57473	Nguyễn Thị	Hoài	30.11.1995	3.68	0.05	100	3.73	4,250,000	
3	57511	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28.09.1996	3.57	0	90	3.57	4,000,000	
Tổng lớp:									12,500,000	
Lớp: TTM56ĐH										
1	65127	Đào Thị Quỳnh	Anh	06.02.1997	3.32	0.05	94	3.37	4,000,000	
2	64101	Bùi Văn	Bảo	15.02.1997	3.5	0.05	81	3.55	4,000,000	
3	64110	Đinh Anh	Đức	03.11.1997	3.53	0.05	94	3.58	4,000,000	
4	64153	Trịnh Thúy	Hạnh	10.06.1997	3.44	0	89	3.44	4,000,000	
5	57509	Nguyễn Thị Thanh	Thuỳ	06.09.1996	3.65	0	90	3.65	4,250,000	
Tổng lớp:									20,250,000	
Lớp: TTM57ĐH										
1	69709	Phạm Thu	Hương	02.11.1998	2.56	0	80	2.56	3,700,000	
2	69662	Phạm Thị	Thanh	20.01.1998	2.63	0	88	2.63	3,700,000	
Tổng lớp:									7,400,000	
Lớp: TTM58ĐH										
1	75471	Trần Anh	Đức	22.02.1999	2.97	0.05	95	3.02	3,700,000	

2	73149	Cáp Trọng	Kiên	27.07.1999	2.72	0	86	2.72	3,700,000	
3	76072	Vũ Thị	Uyên	24.07.1999	3.06	0	88	3.06	3,700,000	
Tổng lớp:									11,100,000	
Tổng khoa: 50									198,800,000	
Khoa: Khoa Công trình										
Lớp: BĐA55ĐH										
1	56588	Tạ Minh	Hải	30.10.1996	3.26	0	90	3.26	4,000,000	
2	56609	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	05.02.1996	3.18	0	90	3.18	3,700,000	
Tổng lớp:									7,700,000	
Lớp: BĐA56ĐH										
1	63357	Võ Tá	Dũng	22.12.1997	3.61	0.05	100	3.66	4,250,000	
2	63382	Lê Thị	Ngân	30.04.1997	3.84	0.03	100	3.87	4,250,000	
3	63394	Tạ Phương	Thào	08.08.1997	3.63	0	100	3.63	4,250,000	
Tổng lớp:									12,750,000	
Lớp: BĐA57ĐH										
1	70034	Trần Thị	Hằng	20.01.1998	3.25	0	90	3.25	4,000,000	
2	69242	Nguyễn Thị	Nhung	06.09.1998	3	0	95	3	3,700,000	
3	68221	Lưu Mạnh	Tùng	02.10.1998	3.54	0	95	3.54	4,000,000	
Tổng lớp:									11,700,000	
Lớp: BĐA58ĐH										
1	75306	Phạm Thị	Thúy	03.06.1997	3.87	0.05	95	3.92	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: CTT55ĐH1										
1	56490	Đoàn Hữu	Cường	17.09.1996	3.88	0.05	100	3.93	4,250,000	
2	56494	Đỗ Tuấn	Dương	12.07.1996	3.52	0	80	3.52	4,000,000	
3	59015	Phạm Thị Hằng	Nga	04.06.1996	4	0	95	4	4,250,000	
4	59098	Nguyễn Phương	Thào	06.08.1996	3.75	0.05	95	3.8	4,250,000	
5	59017	Nguyễn Thị	Tuyến	22.03.1996	3.63	0	95	3.63	4,250,000	
Tổng lớp:									21,000,000	
Lớp: CTT55ĐH2										
1	56530	Nguyễn Thế	Anh	26.06.1996	3.67	0	90	3.67	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: CTT56ĐH										
1	63328	Lê Công	Mạnh	22.10.1997	3.43	0	90	3.43	4,000,000	
2	63288	Ngô Minh	Sang	16.06.1996	2.57	0	80	2.57	3,700,000	
Tổng lớp:									7,700,000	
Lớp: CTT57ĐH										
1	67260	Dương Thị	Dung	29.09.1998	3.15	0	90	3.15	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Lớp: CTT58ĐH										
1	75062	Phạm Bá	Đức	22.05.1999	3.2	0.05	90	3.25	4,000,000	
Tổng lớp:									4,000,000	

Lớp: KCĐ55ĐH2										
1	59115	Nguyễn Thị Phương	Anh	24.08.1996	3.71	0	90	3.71	4,250,000	
2	57423	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	02.11.1996	3.48	0.05	90	3.53	4,000,000	
3	56764	Nguyễn Tiến	Mạnh	21.02.1995	3.67	0	90	3.67	4,250,000	
Tổng lớp:									12,500,000	
Lớp: KCĐ56ĐH										
1	66170	Phạm Thanh	Chúc	25.11.1996	3.32	0	85	3.32	4,000,000	
2	63529	Nguyễn Tá	Dương	07.05.1997	3.93	0	90	3.93	4,250,000	
3	66202	Nguyễn	Khải	15.06.1997	3.71	0	95	3.71	4,250,000	
4	63550	Trần Minh	Khang	14.10.1997	3.53	0	95	3.53	4,000,000	
Tổng lớp:									16,500,000	
Lớp: KCĐ58ĐH										
1	76458	Nguyễn Gia	Tuân	20.08.1999	2.93	0	80	2.93	3,700,000	
2	74944	Nguyễn Xuân	Vinh	24.05.1999	3.72	0	80	3.72	4,000,000	
Tổng lớp:									7,700,000	
Lớp: KTD56ĐH										
1	64780	Lê Hải	Vũ	10.12.1997	3.03	0.05	90	3.08	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Lớp: XDD55ĐH1										
1	56648	Phạm Mạnh	Đức	26.10.1996	3.4	0	95	3.4	4,000,000	
2	56684	Bùi Văn	Tuấn	20.05.1996	3.43	0	90	3.43	4,000,000	
Tổng lớp:									8,000,000	
Lớp: XDD55ĐH2										
1	56691	Phạm Thế	Anh	08.10.1996	3.14	0	85	3.14	3,700,000	
2	56705	Đỗ Thị	Hải	18.10.1996	3.38	0	85	3.38	4,000,000	
3	56731	Nguyễn Văn	Thắng	01.05.1996	3.36	0	85	3.36	4,000,000	
Tổng lớp:									11,700,000	
Lớp: XDD56ĐH										
1	63486	Đức Minh	Cường	09.09.1997	3.18	0	100	3.18	3,700,000	
2	63418	Trần Đăng	Hoàng	23.03.1997	3.11	0	100	3.11	3,700,000	
3	63473	Trần Đức	Quỳnh	14.01.1997	2.7	0	100	2.7	3,700,000	
4	63345	Đoàn Hồng	Trang	14.02.1997	3.5	0	100	3.5	4,000,000	
5	63441	Nguyễn Văn	Tuân	05.06.1997	2.71	0	90	2.71	3,700,000	
Tổng lớp:									18,800,000	
Lớp: XDD57ĐH										
1	68462	Ngô Minh	Hoàng	22.02.1998	2.8	0	85	2.8	3,700,000	
2	68252	Lê Trắc	Phú	02.01.1998	2.64	0	70	2.64	3,700,000	
3	69593	Phạm Văn	Quyên	19.08.1998	3.17	0	100	3.17	3,700,000	
Tổng lớp:									11,100,000	
Lớp: XDD58ĐH										
1	73777	Lê Xuân	Đạo	13.02.1999	3.58	0.05	95	3.63	4,250,000	
2	74716	Nguyễn Quang	Quỳnh	10.06.1999	3.17	0	90	3.17	3,700,000	
3	75269	Phạm Văn	Sang	29.01.1999	3.19	0	80	3.19	3,700,000	

4	73680	Hoàng Văn	Thường	08.10.1999	3	0	90	3	3,700,000	
Tổng lớp:									15,350,000	
Tổng khoa: 46									182,400,000	
Khoa: Khoa Điện - Điện tử										
Lớp: ĐTD55ĐH1										
1	56912	Mai Văn	Luận	21.01.1996	3.88	0	90	3.88	4,250,000	
2	56101	Trần Thị	Tuyền	09.02.1995	3.72	0.05	100	3.77	4,250,000	
3	56106	Phạm Văn	Viên	28.09.1996	3.72	0	90	3.72	4,250,000	
Tổng lớp:									12,750,000	
Lớp: ĐTD55ĐH3										
1	56183	Phạm Văn	Đồng	31.05.1995	4	0	95	4	4,250,000	
2	56208	Nguyễn Đình	Phúc	05.02.1996	3.81	0	90	3.81	4,250,000	
3	56213	Nguyễn Hồng	Sơn	12.09.1996	3.91	0	90	3.91	4,250,000	
4	56214	Vũ Trường	Sơn	16.04.1996	3.86	0	90	3.86	4,250,000	
5	56221	Trần Mạnh	Trung	21.08.1996	3.94	0	90	3.94	4,250,000	
6	56230	Nguyễn Việt	Vỹ	17.09.1996	3.72	0	90	3.72	4,250,000	
Tổng lớp:									25,500,000	
Lớp: ĐTD56ĐH										
1	62891	Trịnh Quang Thành	Công	28.10.1997	3.41	0	89	3.41	4,000,000	
2	62893	Đỗ Văn	Cường	27.04.1997	3.5	0	89	3.5	4,000,000	
3	62937	Hoàng Mạnh	Cường	18.11.1997	3.42	0	89	3.42	4,000,000	
4	62941	Phan Hữu	Đoàn	21.11.1995	3.47	0	89	3.47	4,000,000	
5	63030	Nguyễn Minh	Hiếu	29.10.1997	3.47	0	89	3.47	4,000,000	
6	63035	Nguyễn Phi	Long	23.08.1997	3.5	0.05	99	3.55	4,000,000	
7	66217	Đào Văn	Quân	16.11.1994	3.37	0	95	3.37	4,000,000	
8	63004	Phạm Duy	Thái	28.12.1997	3.55	0	80	3.55	4,000,000	
9	63008	Nguyễn Thành	Tôn	25.05.1997	3.53	0	93	3.53	4,000,000	
Tổng lớp:									36,000,000	
Lớp: ĐTD57ĐH										
1	67888	Đỗ Việt	Đức	29.08.1998	3.34	0.05	99	3.39	4,000,000	
2	67738	Hoàng Văn	Hiển	31.08.1998	3.29	0	90	3.29	4,000,000	
3	67531	Đặng Thế	Sơn	22.12.1998	3.21	0	89	3.21	4,000,000	
4	68450	Nguyễn Thành	Trung	23.10.1998	3.25	0	89	3.25	4,000,000	
Tổng lớp:									16,000,000	
Lớp: ĐTD58ĐH										
1	74151	Nguyễn Hùng	Dũng	16.12.1999	3.28	0	89	3.28	4,000,000	
2	74193	Nguyễn Tiến	Dương	24.05.1999	3.5	0	87	3.5	4,000,000	
3	75074	Phạm Mai	Giang	31.12.1999	3.34	0	88	3.34	4,000,000	
4	75521	Trần Trung	Hiếu	26.07.1999	3.75	0	96	3.75	4,250,000	
5	73353	Đặng Quang	Huy	04.01.1999	4	0	90	4	4,250,000	
6	74701	Nguyễn Quốc	Quân	11.06.1999	3.81	0.05	100	3.86	4,250,000	
7	75703	Trần Hữu	Thành	28.05.1999	3.44	0	89	3.44	4,000,000	
8	73529	Đồng Thanh	Trung	01.02.1999	3.66	0	90	3.66	4,250,000	

Tổng lớp:									33,000,000
Lớp: ĐTT55ĐH1									
1	32848	Phạm Ngọc	Thế	20.02.1990	4	0	90	4	4,250,000
Tổng lớp:									4,250,000
Lớp: ĐTT55ĐH2									
1	55833	Vũ Tùng	Dương	15.01.1996	3.3	0	94	3.3	4,000,000
2	58847	Dương Thị	Huệ	06.01.1995	3.25	0	94	3.25	4,000,000
3	56275	Vũ Mạnh	Khôi	16.12.1996	3.28	0	94	3.28	4,000,000
4	56294	Đào Hoàng	Sơn	07.03.1996	3.5	0	89	3.5	4,000,000
Tổng lớp:									16,000,000
Lớp: ĐTT56ĐH									
1	66027	Nguyễn Thế	Anh	30.11.1997	2.82	0	83	2.82	3,700,000
2	66028	Phạm Đức	Anh	20.03.1997	3.3	0	94	3.3	4,000,000
3	66013	Nguyễn Thiện	Quý	21.10.1997	3.36	0.05	99	3.41	4,000,000
4	62767	Phan Văn	Thành	30.08.1997	3.23	0.05	94	3.28	4,000,000
5	66066	Phạm Minh	Tú	04.10.1997	2.82	0	83	2.82	3,700,000
Tổng lớp:									19,400,000
Lớp: ĐTT57ĐH									
1	65993	Nguyễn Trung	Đức	29.10.1997	4	0.05	95	4.05	4,250,000
Tổng lớp:									4,250,000
Lớp: ĐTT58ĐH									
1	62749	Lê Văn	Đại	19.06.1997	3.21	0	80	3.21	4,000,000
Tổng lớp:									4,000,000
Lớp: ĐTV55ĐH2									
1	55938	Trần Duy	Hiển	18.05.1996	3.65	0.05	93	3.7	4,250,000
2	55948	Nguyễn Thị	Huyền	06.03.1996	3.5	0	94	3.5	4,000,000
3	55973	Nguyễn Thị Thanh	Thào	14.10.1996	3.6	0	100	3.6	4,250,000
4	55986	Vũ Tổ	Uyên	11.11.1996	3.84	0	100	3.84	4,250,000
5	55989	Trần Hải	Yến	17.04.1996	3.63	0	90	3.63	4,250,000
Tổng lớp:									21,000,000
Lớp: ĐTV56ĐH									
1	62782	Vũ Ngọc	Anh	30.07.1997	2.65	0	83	2.65	3,700,000
2	62787	Vũ Hải	Dương	26.12.1997	2.63	0	83	2.63	3,700,000
3	62811	Hà Quốc	Nam	16.12.1997	2.77	0	78	2.77	3,700,000
4	62870	Bùi Duy	Tân	28.02.1991	3.87	0	100	3.87	4,250,000
5	62887	Trần Thế	Vinh	31.05.1997	3.47	0	89	3.47	4,000,000
Tổng lớp:									19,350,000
Lớp: ĐTV57ĐH									
1	70085	Trần Thúy	An	16.10.1998	3.56	0	89	3.56	4,000,000
2	68589	Nguyễn Thị Vân	Anh	02.06.1998	3.34	0.05	84	3.39	4,000,000
3	67126	Bùi Trường	Giang	19.04.1998	3.34	0	89	3.34	4,000,000
4	67058	Bùi Hồng	Phúc	25.07.1995	3.76	0.05	100	3.81	4,250,000
5	70455	Vũ Thị	Thào	12.08.1998	3.61	0.05	100	3.66	4,250,000

6	69093	Nguyễn Thị Uyên	21.10.1998	3.45	0	89	3.45	4,000,000	
Tổng lớp:								24,500,000	
Lớp: ĐTV58ĐH									
1	73231	Đoàn Ngọc Âu	25.06.1999	3.84	0.05	92	3.89	4,250,000	
2	73288	Đoàn Phương Đông	04.03.1999	3.38	0	96	3.38	4,000,000	
3	75566	Trần Thị Thu Huyền	15.02.1999	3.34	0	94	3.34	4,000,000	
4	76035	Vũ Mạnh Tiến	22.02.1999	3.41	0.05	94	3.46	4,000,000	
Tổng lớp:								16,250,000	
Lớp: TĐH55ĐH1									
1	57548	Nguyễn Văn Hùng	31.08.1996	4	0	100	4	4,250,000	
Tổng lớp:								4,250,000	
Lớp: TĐH55ĐH2									
1	57527	Nguyễn Xuân Diệu	16.02.1996	3.48	0	85	3.48	4,000,000	
2	57557	Nguyễn Cao Sơn	25.11.1996	3.35	0	89	3.35	4,000,000	
3	56301	Phạm Minh Thảo	26.03.1996	3.74	0	90	3.74	4,250,000	
Tổng lớp:								12,250,000	
Lớp: TĐH56ĐH									
1	64337	Bùi Thành Đạt	07.04.1997	3.58	0.05	95	3.63	4,250,000	
2	66051	Lê Phúc Mạnh	30.11.1997	3.47	0	89	3.47	4,000,000	
3	64389	Phạm Trọng Nghĩa	12.10.1997	3.61	0	91	3.61	4,250,000	
4	64393	Hoàng Ngọc Phúc	29.06.1997	3.39	0	89	3.39	4,000,000	
5	64362	Lưu Văn Thủy	02.05.1996	3.44	0	89	3.44	4,000,000	
Tổng lớp:								20,500,000	
Lớp: TĐH57ĐH									
1	68683	Nguyễn Khánh Dư	12.01.1998	3.03	0	88	3.03	3,700,000	
2	68090	Lê Văn Hiệp	03.05.1997	3.45	0	91	3.45	4,000,000	
3	69116	Nguyễn Tuấn Hiệp	10.01.1997	3.47	0	95	3.47	4,000,000	
4	67500	Đổng Xuân Quyết	07.12.1998	3	0	86	3	3,700,000	
5	68124	Lê Minh Thúy	18.09.1998	3.22	0	89	3.22	4,000,000	
Tổng lớp:								19,400,000	
Lớp: TĐH58ĐH									
1	75469	Trịnh Hải Dương	11.11.1999	3.38	0	89	3.38	4,000,000	
2	73662	Hoàng Đình Quý	16.03.1995	3.86	0.05	100	3.91	4,250,000	
3	73905	Lưu Quang Sáng	26.10.1999	3.28	0	89	3.28	4,000,000	
4	75994	Vũ Hồng Sơn	29.08.1999	3.38	0	75	3.38	3,700,000	
Tổng lớp:								15,950,000	
Tổng khoa: 80								324,600,000	
Khoa: Khoa Đóng tàu									
Lớp: ĐTA56ĐH									
1	63203	Nguyễn Thị Thu Trang	27.09.1997	3.09	0	88	3.09	3,700,000	
2	66158	Võ Quốc Vũ	20.01.1997	2.88	0.05	93	2.93	3,700,000	
Tổng lớp:								7,400,000	

Lớp: ĐTA57ĐH										
1	68756	Nguyễn Mạnh	Trường	04.08.1998	3.21	0	85	3.21	4,000,000	
2	67909	Hồ Duy	Vũ	19.07.1998	3.16	0	79	3.16	3,700,000	
Tổng lớp:									7,700,000	
Lớp: ĐTA58ĐH										
1	75365	Phan Văn	Việt	13.09.1999	3.19	0	89	3.19	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Lớp: VTT55ĐH										
1	59009	Đỗ Thị	Thanh	20.04.1996	3.29	0.05	90	3.34	4,000,000	
2	56436	Hoàng Anh	Tuấn	14.11.1996	3.63	0	92	3.63	4,250,000	
Tổng lớp:									8,250,000	
Lớp: VTT56ĐH										
1	63149	Phạm Văn	Duy	14.08.1997	3.73	0.05	92	3.78	4,250,000	
2	66130	Trần Quang	Hiệp	11.09.1996	3.78	0	92	3.78	4,250,000	
Tổng lớp:									8,500,000	
Lớp: VTT57ĐH										
1	70019	Trần Phương	Anh	25.01.1998	3.5	0.05	90	3.55	4,000,000	
2	69955	Trần Minh	Cường	02.03.1994	3.33	0	88	3.33	4,000,000	
Tổng lớp:									8,000,000	
Lớp: VTT58ĐH										
1	74404	Nguyễn Xuân	Huy	11.12.1999	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Tổng khoa: 12									47,800,000	
Khoa: Khoa Hàng hải										
Lớp: ĐKT55ĐH2										
1	55369	Bùi Văn	Công	24.08.1995	3.13	0	89	3.13	3,700,000	
2	55390	Nguyễn Quang	Huy	08.01.1996	3.13	0	87	3.13	3,700,000	
3	55397	Cao Văn	Lộc	10.06.1996	3.65	0	96	3.65	4,250,000	
4	55418	Lê Khắc	Trung	12.07.1995	3.71	0	96	3.71	4,250,000	
Tổng lớp:									15,900,000	
Lớp: ĐKT55ĐH3										
1	55465	Phạm Phú	Oai	15.12.1993	3.46	0.2	92	3.66	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: ĐKT55ĐH4										
1	55500	Bùi Đức	Dương	14.01.1996	3.29	0	95	3.29	4,000,000	
2	55498	Trần Lê	Duy	11.06.1996	3.45	0.05	95	3.5	4,000,000	
3	55505	Đặng Văn	Đức	18.03.1995	3.21	0	92	3.21	4,000,000	
4	55551	Đỗ Văn	Vượng	23.04.1996	3.8	0.1	95	3.9	4,250,000	
Tổng lớp:									16,250,000	
Lớp: ĐKT56ĐH										
1	62535	Đào Quang	Diện	05.06.1996	3.15	0	89	3.15	3,700,000	
2	62505	Lê Văn	Khánh	02.09.1997	2.96	0	80	2.96	3,700,000	
3	62552	Nguyễn Xuân	Phong	10.08.1997	3.57	0	95	3.57	4,000,000	

4	62520	Vũ Đức	Sơn	24.11.1997	3.3	0	85	3.3	4,000,000	
5	61766	Trịnh Ngọc	Thái	25.07.1995	3.3	0	81	3.3	4,000,000	
6	62439	Phạm Đắc	Thành	28.07.1997	2.78	0	80	2.78	3,700,000	
7	62443	Vũ Đức	Toàn	12.08.1997	3.5	0	90	3.5	4,000,000	
8	62489	Hà Anh	Tuấn	02.09.1997	3.2	0	95	3.2	4,000,000	
9	62446	Nguyễn Hồng	Tuyên	17.07.1997	3.37	0	95	3.37	4,000,000	
Tổng lớp:									35,100,000	
Lớp: ĐKT57ĐH										
1	70275	Vũ Thành	Công	09.09.1997	2.5	0	85	2.5	3,700,000	
2	69947	Trần Thế	Dũng	17.11.1998	2.78	0	85	2.78	3,700,000	
3	67216	Cao Văn	Tiên	07.03.1998	3.79	0	97	3.79	4,250,000	
4	67533	Đoàn Văn	Trường	30.01.1998	3.45	0	95	3.45	4,000,000	
5	63206	Nguyễn Trọng	Trường	19.05.1997	3.21	0	85	2.81	3,700,000	
Tổng lớp:									19,350,000	
Lớp: ĐKT58ĐH										
1	74094	Ngô Văn	Bính	10.10.1999	2.86	0	85	2.86	3,700,000	
2	74122	Nguyễn Bá	Cánh	07.01.1999	3.32	0	92	3.32	4,000,000	
3	75437	Trần Văn	Chinh	27.04.1998	3	0	83	3	3,700,000	
4	73742	Lương Công	Chứ	20.06.1999	2.93	0	90	2.93	3,700,000	
5	74233	Nguyễn Tiến	Đạt	12.04.1999	2.75	0	83	2.75	3,700,000	
6	75852	Vũ Tiến	Đạt	03.09.1999	2.82	0	83	2.82	3,700,000	
7	74276	Nguyễn Hồng	Hải	13.06.1999	2.71	0	75	2.71	3,700,000	
Tổng lớp:									26,200,000	
Lớp: LHH56ĐH										
1	64232	Lê Thị Mỹ	Linh	18.09.1997	3.6	0	98	3.6	4,250,000	
2	64234	Vũ Thị Thùy	Linh	17.09.1997	4	0	95	4	4,250,000	
3	64240	Trần Thị	Nguyệt	18.09.1997	3.86	0	95	3.86	4,250,000	
4	64318	Nguyễn Tấn	Pháp	19.04.1997	3.62	0	95	3.62	4,250,000	
5	64246	Nguyễn Đoàn Hương	Thảo	09.01.1997	3.91	0	95	3.91	4,250,000	
6	64288	Trần Thị Phương	Thảo	19.07.1997	3.76	0	95	3.76	4,250,000	
Tổng lớp:									25,500,000	
Lớp: LHH57ĐH										
1	69712	Phạm Thị Thu	An	22.05.1998	3.25	0	93	3.25	4,000,000	
2	67384	Đặng Thị Ngọc	Bích	07.06.1998	3.15	0	93	3.15	3,700,000	
3	69193	Nguyễn Thu	Huyền	15.01.1998	3.15	0	93	3.15	3,700,000	
4	68920	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18.01.1998	3.25	0.2	94	3.45	4,000,000	
Tổng lớp:									15,400,000	
Lớp: LHH58ĐH										
1	74021	Nguyễn Bùi Phương	Anh	26.04.1999	3.78	0	95	3.78	4,250,000	
2	75489	Trần Văn	Đạt	19.08.1999	3.74	0	95	3.74	4,250,000	
3	74256	Nguyễn Ngọc	Hà	04.12.1999	3.56	0	93	3.56	4,000,000	
4	75528	Trần Thu	Hằng	04.07.1999	3.79	0	92	3.79	4,250,000	
5	75940	Vũ Thị Thanh	Mai	26.01.1999	3.5	0	95	3.5	4,000,000	

Tổng lớp:									20,750,000
Tổng khoa: 45									178,700,000
Khoa: Khoa Kinh tế									
Lớp: KTB56ĐH									
1	64825	Nguyễn Minh	Anh	16.04.1997	3.92	0	95	3.92	4,250,000
2	64829	Phạm Hoàng Phương	Chinh	08.06.1997	3.67	0	92	3.67	4,250,000
3	64909	Nguyễn Văn	Doanh	30.04.1995	3.71	0	98	3.71	4,250,000
4	64801	Nguyễn Hữu	Hùng	25.10.1997	3.64	0.05	95	3.69	4,250,000
5	64929	Phạm Kim	Ngọc	27.10.1997	3.82	0	95	3.82	4,250,000
6	64931	Nguyễn Thị	Phượng	09.12.1997	3.8	0	92	3.8	4,250,000
7	64896	Nguyễn Thị	Thảo	29.08.1997	3.86	0	92	3.86	4,250,000
8	64860	Lê Mai	Trang	07.11.1997	3.79	0	95	3.79	4,250,000
9	64822	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11.03.1997	3.71	0	92	3.71	4,250,000
Tổng lớp:									38,250,000
Lớp: KTB57ĐH									
1	68022	Lê Thị Ngọc	Ánh	05.06.1998	3.56	0	84	3.56	4,000,000
2	70038	Trịnh Thị	Lan	03.10.1998	3.68	0	90	3.68	4,250,000
3	68448	Nguyễn Phương	Nam	22.01.1998	3.74	0	90	3.74	4,250,000
4	69919	Trần Thị Bích	Ngân	15.08.1998	3.69	0	93	3.69	4,250,000
5	68402	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05.08.1998	3.67	0	90	3.67	4,250,000
6	69921	Trịnh Thị	Yến	20.11.1998	3.54	0	88	3.54	4,000,000
Tổng lớp:									25,000,000
Lớp: KTB58ĐH									
1	74142	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	13.11.1999	3.75	0	90	3.75	4,250,000
2	73046	Bùi Thị Thanh	Huyền	28.12.1999	3.75	0	90	3.75	4,250,000
3	74473	Ngô Tùng	Lâm	27.02.1999	4	0	90	4	4,250,000
4	73396	Đoàn Thuý	Linh	30.07.1999	3.73	0	90	3.73	4,250,000
5	75186	Phạm Tùng	Long	26.01.1999	3.85	0	90	3.85	4,250,000
6	74674	Ngô Thị Xuân	Phượng	10.09.1999	3.92	0	90	3.92	4,250,000
7	74685	Nguyễn Thị Hà	Phượng	13.12.1999	4	0	90	4	4,250,000
8	75676	Trương Hà	Phượng	10.08.1999	3.8	0	90	3.8	4,250,000
9	74758	Nguyễn Thị Thu	Thanh	28.01.1999	3.82	0	90	3.82	4,250,000
10	75307	Phạm Thị	Thương	04.12.1999	3.8	0	90	3.8	4,250,000
11	74858	Nguyễn Thị Thu	Trang	09.09.1999	3.8	0	95	3.8	4,250,000
12	74926	Nguyễn Thị Phương	Uyên	20.02.1999	3.75	0	90	3.75	4,250,000
Tổng lớp:									51,000,000
Lớp: KTN56ĐH									
1	65039	Nguyễn Phương	Anh	20.10.1997	3.88	0.05	96	3.93	4,250,000
2	64949	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15.10.1997	3.57	0	80	3.57	4,000,000
3	65003	Nguyễn Thị Thu	Hiên	21.02.1997	3.58	0	99	3.58	4,000,000
4	65102	Trần Thị	Hương	06.10.1997	3.58	0	89	3.58	4,000,000
5	64967	Nguyễn Ngọc	Huyền	29.03.1997	3.74	0	90	3.74	4,250,000
6	65014	Vũ Thị	Liên	22.06.1997	3.79	0	90	3.79	4,250,000

7	65061	Nguyễn Phương	Linh	25.12.1997	3.75	0.05	98	3.8	4,250,000	
8	65022	Phạm Thị	Phượng	20.10.1997	3.87	0	90	3.87	4,250,000	
9	65076	Lê Thị Thu	Thương	20.02.1997	3.65	0	90	3.65	4,250,000	
10	65122	Hà Thị Tố	Uyên	28.09.1997	3.68	0	98	3.68	4,250,000	
Tổng lớp:									41,750,000	
Lớp: KTN57ĐH										
1	67012	Bùi Thị Lan	Anh	08.12.1998	3.83	0	90	3.83	4,250,000	
2	69437	Phạm Hoàng	Đạt	11.10.1998	4	0	90	4	4,250,000	
3	67009	Bùi Thị Thanh	Hoa	08.10.1998	3.89	0	90	3.89	4,250,000	
4	68394	Nguyễn Thị Thu	Hoài	05.01.1998	3.88	0	90	3.88	4,250,000	
5	69452	Phạm Thị	Huyền	26.06.1998	3.88	0	90	3.88	4,250,000	
6	67282	Đào Thị Hồng	Ngọc	01.06.1998	3.88	0	90	3.88	4,250,000	
7	69910	Trần Hồng	Quân	23.09.1998	3.88	0	90	3.88	4,250,000	
Tổng lớp:									29,750,000	
Lớp: KTN58ĐH										
1	74176	Nguyễn Ái Thuý	Dương	20.11.1999	4	0	90	4	4,250,000	
2	74462	Nguyễn Trung	Kiên	24.02.1999	3.93	0	90	3.93	4,250,000	
3	73847	Lâm Thị Mỹ	Lệ	19.04.1999	3.9	0	90	3.9	4,250,000	
4	75941	Vũ Thị Thúy	Mai	08.01.1999	4	0	98	4	4,250,000	
5	74557	Nguyễn Thị Phượng	Minh	22.02.1999	3.83	0	90	3.83	4,250,000	
6	75670	Tổng Minh	Phượng	10.01.1999	3.9	0	90	3.9	4,250,000	
7	75303	Phạm Phượng	Thùy	16.12.1999	4	0	90	4	4,250,000	
8	73939	Lê Thị Thùy	Trang	13.01.1999	3.93	0	90	3.93	4,250,000	
9	73543	Đinh Khánh	Vân	15.07.1999	4	0	90	4	4,250,000	
10	74964	Nguyễn Thị	Yến	01.06.1998	3.79	0.05	95	3.84	4,250,000	
Tổng lớp:									42,500,000	
Lớp: KTT56ĐH										
1	65574	Nguyễn Thị Trường	An	04.08.1997	3.58	0	90	3.58	4,000,000	
2	65603	Nguyễn Thảo	Ly	26.11.1997	3.38	0.05	92	3.43	4,000,000	
3	65620	Nguyễn Thị	Trang	01.03.1997	3.43	0	90	3.43	4,000,000	
Tổng lớp:									12,000,000	
Lớp: KTT57ĐH										
1	70400	Vũ Thị Thu	Huyền	29.09.1998	3.39	0	82	3.39	4,000,000	
2	68050	Lâm Thị Kim	Oanh	24.06.1998	3.85	0	90	3.85	4,250,000	
3	70046	Trần Thị	Phượng	08.05.1998	3.27	0	94	3.27	4,000,000	
Tổng lớp:									12,250,000	
Lớp: KTT58ĐH										
1	74342	Nguyễn Thị Thuý	Hồng	16.08.1999	3.37	0	90	3.37	4,000,000	
2	74546	Nguyễn Thị Hà	Mi	08.10.1999	3	0	88	3	3,700,000	
3	75219	Phạm Anh	Ngọc	08.05.1999	3.07	0	88	3.07	3,700,000	
4	75744	Tạ Thị Huyền	Trang	20.11.1999	3.33	0	86	3.33	4,000,000	
Tổng lớp:									15,400,000	

Lớp: LQC56ĐH										
1	65459	Phạm Khánh	Chi	27.03.1997	3.66	0	95	3.66	4,250,000	
2	65545	Đỗ Thị Khánh	Huyền	03.02.1997	3.68	0	90	3.68	4,250,000	
3	65474	Phạm Mỹ	Linh	27.03.1997	3.74	0	95	3.74	4,250,000	
4	65433	Trần Phương	Linh	11.02.1997	3.73	0	98	3.73	4,250,000	
5	65476	Lê Như	Mai	16.11.1997	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
6	65517	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	20.01.1997	3.53	0	89	3.53	4,000,000	
7	65270	Trương Thị Thảo	Ngọc	06.07.1997	3.5	0	99	3.5	4,000,000	
8	65522	Đỗ Văn	Phú	20.03.1995	3.71	0	98	3.71	4,250,000	
9	65488	Bùi Thị Thanh	Thúy	18.07.1997	3.86	0	98	3.86	4,250,000	
Tổng lớp:									37,750,000	
Lớp: LQC57ĐH										
1	70285	Vũ Thị Thanh	Hiền	14.09.1998	3.66	0	90	3.66	4,250,000	
2	68002	Lê Mạnh	Hưng	31.03.1998	3.63	0	90	3.63	4,250,000	
3	67952	Kiều Mỹ	Linh	03.02.1997	3.72	0	90	3.72	4,250,000	
4	68478	Nguyễn Minh	Ngọc	06.11.1998	3.61	0	90	3.61	4,250,000	
5	67722	Hòa Thị	Phượng	23.06.1998	3.62	0	90	3.62	4,250,000	
6	67359	Đỗ Thị Thanh	Tâm	08.08.1998	3.63	0	90	3.63	4,250,000	
7	69956	Trần Thị Thu	Thúy	02.08.1998	3.72	0	90	3.72	4,250,000	
Tổng lớp:									29,750,000	
Lớp: LQC58ĐH										
1	74060	Nguyễn Thị Phương	Anh	29.11.1999	3.67	0	90	3.67	4,250,000	
2	73573	Hà Quỳnh	Dung	13.10.1999	3.67	0	90	3.67	4,250,000	
3	74292	Nguyễn Việt Thanh	Hiền	01.01.1999	3.67	0	90	3.67	4,250,000	
4	75895	Vũ Thị Phương	Huệ	12.02.1999	3.78	0	90	3.78	4,250,000	
5	74588	Nguyễn Hoàng	Nam	14.10.1999	3.9	0	90	3.9	4,250,000	
6	75646	Trịnh Thị Kim	Ngân	07.01.1999	4	0	90	4	4,250,000	
7	73442	Đặng Hồng	Nhung	02.05.1999	3.73	0	93	3.73	4,250,000	
8	74693	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	07.04.1999	4	0	90	4	4,250,000	
9	75393	Quách Thu	Phượng	03.10.1999	3.73	0	90	3.73	4,250,000	
10	75986	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	27.09.1999	3.9	0.05	98	3.95	4,250,000	
11	75788	Trần Anh	Vũ	28.05.1999	3.7	0	90	3.7	4,250,000	
Tổng lớp:									46,750,000	
Tổng khoa: 91									382,150,000	
Khoa: Khoa Máy tàu biển										
Lớp: MCN58ĐH										
1	76414	Đặng Văn	Nhân	22.06.1999	3.35	0	99	3.35	4,000,000	
Tổng lớp:									4,000,000	
Lớp: MKT55ĐH1										
1	55688	Phạm Văn	Phúc	29.02.1996	3.57	0	81	3.57	4,000,000	
2	55612	Lê Văn	Thắng	18.03.1996	3.95	0.03	92	3.98	4,250,000	
3	55613	Nguyễn Tiến	Thuần	18.06.1995	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
Tổng lớp:									12,500,000	

Lớp: MKT55ĐH2										
1	55666	Đỗ Văn	Dũng	05.09.1996	3.48	0	95	3.48	4,000,000	
2	55635	Vũ Mạnh	Hiếu	03.01.1996	3.57	0.05	91	3.62	4,250,000	
3	55646	Trịnh Văn	Nam	26.03.1996	3.43	0	87	3.43	4,000,000	
Tổng lớp:									12,250,000	
Lớp: MKT56ĐH										
1	62662	Nguyễn Võ Tuấn	Anh	25.01.1997	3.28	0	90	3.28	4,000,000	
2	62573	Phạm Minh	Chiến	15.08.1997	3.67	0	100	3.67	4,250,000	
3	62619	Hoàng Quốc	Đạt	07.05.1997	3.15	0	90	3.15	3,700,000	
4	62602	Trần Hồng	Quân	01.01.1997	3.17	0	81	3.17	3,700,000	
5	62605	Phạm Hồng	Sơn	13.02.1997	3.62	0.03	90	3.65	4,250,000	
6	62610	Hoàng Quang	Toàn	30.08.1997	3.18	0	82	3.18	3,700,000	
Tổng lớp:									23,600,000	
Lớp: MKT58ĐH										
1	73255	Đinh Văn	Cương	05.10.1999	3.03	0	85	3.03	3,700,000	
2	74172	Nguyễn Thế	Duy	16.09.1999	3.43	0.05	96	3.48	4,000,000	
3	73436	Đỗ Thế	Nhân	25.02.1998	2.63	0	83	2.63	3,700,000	
4	73555	Đào Mạnh	Tuấn	09.11.1999	2.97	0	90	2.97	3,700,000	
Tổng lớp:									15,100,000	
Lớp: MTT55ĐH1										
1	59000	Nguyễn Đức	Nam	20.11.1995	3.23	0	89	3.23	4,000,000	
2	58957	Nguyễn Thị	Nhân	09.06.1996	4	0.03	99	4.03	4,250,000	
3	56361	Nguyễn Duy	Tú	10.07.1995	3.66	0.05	98	3.71	4,250,000	
Tổng lớp:									12,500,000	
Lớp: MTT55ĐH2										
1	56376	Phạm Trường	Giang	08.01.1996	3.44	0.03	81	3.47	4,000,000	
Tổng lớp:									4,000,000	
Lớp: MTT56ĐH										
1	63061	Ngô Thành	Công	09.01.1996	3.8	0.03	99	3.83	4,250,000	
2	66108	Bùi Đỗ	Hoàng	22.09.1997	3.93	0	92	3.93	4,250,000	
3	63069	Nguyễn Việt	Hoàng	25.09.1997	3.81	0	95	3.81	4,250,000	
4	63100	Trần Tuấn	Việt	07.12.1993	3.83	0	100	3.83	4,250,000	
Tổng lớp:									17,000,000	
Lớp: MTT57ĐH										
1	70375	Vũ Đình	Nam	16.01.1998	2.94	0	88	2.94	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Lớp: MTT58ĐH										
1	74774	Nguyễn Xuân	Thành	13.04.1999	3.06	0.05	88	3.11	3,700,000	
2	74922	Nguyễn Văn	Tùng	05.08.1999	2.53	0.03	88	2.56	3,700,000	
Tổng lớp:									7,400,000	
Tổng khoa: 28									112,050,000	

Khoa: Khoa Ngoại ngữ										
Lớp: ATM56ĐH										
1	64584	Bùi Thị Thùy	An	28.10.1997	3.4	0.05	99	3.45	4,000,000	
2	64601	Lê Đồng Khánh	Linh	14.12.1997	3.36	0.05	99	3.41	4,000,000	
3	64612	Bùi Thị	Thảo	02.10.1997	3.5	0	88	3.5	4,000,000	
Tổng lớp:									12,000,000	
Lớp: ATM57ĐH										
1	67744	Hà Hải	Giang	13.01.1998	3.74	0	90	3.74	4,250,000	
2	68944	Nguyễn Hoàng	Hải	16.10.1997	3.15	0	88	3.15	3,700,000	
3	70025	Trần Ngọc	Khánh	08.05.1998	3.12	0	88	3.12	3,700,000	
Tổng lớp:									11,650,000	
Lớp: ATM58ĐH										
1	74553	Nguyễn Thị Hà	Minh	30.10.1999	3.33	0.05	99	3.38	4,000,000	
2	75250	Phạm Thị Như	Phượng	02.10.1999	3.33	0	89	3.33	4,000,000	
3	75669	Trần Thị Hồng	Phượng	13.01.1999	3.11	0	88	3.11	3,700,000	
4	75279	Phạm Thanh	Tâm	01.04.1999	3.22	0	99	3.22	4,000,000	
5	73922	Lê Thị Phương	Thảo	20.10.1999	3.19	0.05	98	3.24	4,000,000	
6	74869	Nguyễn Thị	Trang	17.07.1999	3.25	0	89	3.25	4,000,000	
Tổng lớp:									23,700,000	
Lớp: NNA56ĐH										
1	64620	Đào Thị Mai	Anh	08.10.1997	3.44	0	89	3.44	4,000,000	
2	64680	Bùi Thị Hồng	Nhung	05.10.1997	3.3	0	89	3.3	4,000,000	
3	64685	Nguyễn Thị Anh	Thu	05.11.1997	3.32	0	89	3.32	4,000,000	
Tổng lớp:									12,000,000	
Lớp: NNA57ĐH										
1	67988	Lê Tấn	Đạt	14.10.1998	3.33	0	80	3.33	4,000,000	
2	69542	Phạm Thu	Huyền	18.11.1998	3.42	0	85	3.42	4,000,000	
3	67771	Hà Bích Ngọc	Thảo	20.02.1998	3.42	0	80	3.42	4,000,000	
Tổng lớp:									12,000,000	
Lớp: NNA58ĐH										
1	75545	Trần Thị	Huệ	24.10.1996	3.69	0.05	100	3.74	4,250,000	
2	74502	Nguyễn Thị Khánh	Linh	10.05.1999	2.72	0	82	2.72	3,700,000	
3	74517	Nguyễn Thùy	Linh	22.12.1999	3.17	0	72	3.17	3,700,000	
4	73154	Cao Thị Minh	Ngọc	26.07.1999	2.92	0	70	2.92	3,700,000	
5	73445	Đoàn Vũ Hạnh	Nhung	07.12.1999	3.06	0	81	3.06	3,700,000	
6	73928	Lê Thị	Thơm	16.03.1999	2.72	0	75	2.72	3,700,000	
Tổng lớp:									22,750,000	
Tổng khoa: 24									94,100,000	
Khoa: Khoa Quản trị - Tài chính										
Lớp: QKD56ĐH										
1	65210	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	21.03.1997	3.63	0	82	3.63	4,000,000	
2	65179	Nguyễn Thị	Hường	24.01.1997	3.68	0	90	3.68	4,250,000	
3	65152	Nguyễn Văn	Thái	28.10.1996	3.58	0	81	3.58	4,000,000	

4	65192	Phạm Thị Phương	Thào	09.11.1997	3.59	0	81	3.59	4,000,000	
5	65202	Lê Thảo	Vy	29.04.1997	3.7	0	90	3.7	4,250,000	
Tổng lớp:									20,500,000	
Lớp: QKD57ĐH										
1	68553	Nguyễn Thùy	Dung	08.10.1998	3.73	0	90	3.73	4,250,000	
2	68545	Nguyễn Thành	Đạt	28.02.1998	3.38	0.05	99	3.43	4,000,000	
3	68908	Nguyễn Thị	Huyền	11.08.1998	3.6	0	95	3.6	4,250,000	
4	68006	Lê Thị Thùy	Linh	14.01.1998	3.8	0.05	90	3.85	4,250,000	
5	68629	Nguyễn Duy	Mười	03.08.1998	3.5	0	89	3.5	4,000,000	
6	67478	Đào Thanh	Thào	08.02.1998	3.63	0	90	3.63	4,250,000	
Tổng lớp:									25,000,000	
Lớp: QKD58ĐH										
1	73299	Đào Thị Hương	Giang	11.02.1999	3.57	0	99	3.57	4,000,000	
2	75090	Phùng Thị	Hải	16.08.1999	3.6	0	100	3.6	4,250,000	
3	74414	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23.11.1999	3.64	0.05	100	3.69	4,250,000	
4	75565	Trần Thị Khánh	Huyền	25.12.1999	3.5	0	99	3.5	4,000,000	
5	74545	Ngô Thị	Mão	08.11.1999	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
6	74806	Ngô Thị Hà	Thu	09.12.1999	3.79	0	100	3.79	4,250,000	
7	76046	Vũ Thị	Trang	30.01.1999	3.54	0	89	3.54	4,000,000	
Tổng lớp:									29,000,000	
Lớp: QKT56ĐH										
1	65258	Trần Thị Thúy	Hiền	12.08.1997	3.68	0	90	3.68	4,250,000	
2	65395	Lương Tuyết	Mai	24.02.1997	3.58	0	81	3.58	4,000,000	
3	65266	Phạm Thị Hồng	Mai	03.09.1997	3.55	0	89	3.55	4,000,000	
4	65313	Phạm Thị Mai	Ngân	06.04.1997	3.5	0	89	3.5	4,000,000	
5	65275	Vũ Thị	Quỳnh	18.06.1997	3.45	0	89	3.45	4,000,000	
6	65277	Tô Thị Phương	Thào	31.08.1997	3.58	0.05	99	3.63	4,250,000	
7	65323	Đàm Thị Minh	Thu	08.03.1997	3.81	0	90	3.81	4,250,000	
8	65367	Phạm Thị Minh	Thư	11.12.1997	3.43	0	89	3.43	4,000,000	
9	65410	Nguyễn Thị Minh	Thùy	13.11.1997	3.64	0	90	3.64	4,250,000	
Tổng lớp:									37,000,000	
Lớp: QKT57ĐH										
1	67315	Đỗ Thị Hải	Anh	21.12.1998	3.78	0.05	100	3.83	4,250,000	
2	68692	Nguyễn Ngọc	Anh	05.09.1998	3.92	0.05	100	3.97	4,250,000	
3	68398	Nguyễn Thị Minh	Hòa	19.05.1998	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
4	68465	Nguyễn Thị Thanh	Hoan	26.11.1998	3.86	0	82	3.86	4,000,000	
5	68040	Lương Thị Ngọc	Linh	06.05.1998	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
6	69579	Phạm Thị Thùy	Linh	07.07.1998	3.83	0	82	3.83	4,000,000	
7	69999	Trần Thị Mỹ	Ngân	09.12.1998	3.79	0	90	3.79	4,250,000	
8	68516	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	26.05.1998	3.93	0	82	3.93	4,000,000	
9	68025	Lê Nhật	Tân	05.09.1998	3.93	0	90	3.93	4,250,000	
Tổng lớp:									37,500,000	

Lớp: QKT58ĐH										
1	75829	Vũ Thị Diệp	09.10.1999	3.79	0	82	3.79	4,000,000		
2	73035	Bùi Thị Thu Hiền	29.07.1999	3.6	0	87	3.6	4,000,000		
3	75546	Trần Thu Huệ	02.05.1999	3.67	0	90	3.67	4,250,000		
4	75159	Phùng Lê Ngọc Khánh	08.10.1999	4	0	96	4	4,250,000		
5	74467	Nguyễn Thị Lan	03.11.1999	3.73	0	90	3.73	4,250,000		
6	75927	Vũ Thị Liên	20.06.1999	3.87	0	90	3.87	4,250,000		
7	74503	Nguyễn Thị Linh	13.11.1999	3.93	0	90	3.93	4,250,000		
8	75294	Phạm Phương Thảo	08.04.1999	4	0	82	4	4,000,000		
Tổng lớp:								33,250,000		
Lớp: TCH58ĐH										
1	74245	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	12.05.1998	3.04	0	83	3.04	3,700,000		
2	73994	Mai Thị Thu Hằng	28.08.1999	2.67	0	83	2.67	3,700,000		
3	73606	Hoàng Thị Hào	13.01.1999	3.43	0	84	3.43	4,000,000		
Tổng lớp:								11,400,000		
Tổng khoa: 47								193,650,000		
Khoa: Viện Cơ khí										
Lớp: CĐT55ĐH										
1	56281	Đỗ Phạm Thành Mạnh	23.03.1996	3.38	0.05	97	3.43	4,000,000		
2	56018	Lương Xuân Nam	19.10.1995	3.52	0	95	3.52	4,000,000		
3	59033	Đặng Thị Thu Phương	03.07.1996	3.45	0	95	3.45	4,000,000		
Tổng lớp:								12,000,000		
Lớp: CĐT56ĐH										
1	63936	Cao Văn Dương	17.05.1997	3.21	0	90	3.21	4,000,000		
2	63971	Ngô Vũ Tình	07.02.1995	3.37	0.05	95	3.42	4,000,000		
Tổng lớp:								8,000,000		
Lớp: CĐT57ĐH										
1	70021	Trần Bảo Anh	31.10.1998	3.27	0	85	3.27	4,000,000		
2	67842	Hoàng Quang Huy	02.05.1998	3.22	0.05	85	3.27	4,000,000		
3	69145	Nguyễn Hồng Sơn	16.02.1995	3.6	0.05	90	3.65	4,250,000		
Tổng lớp:								12,250,000		
Lớp: CĐT58ĐH										
1	75162	Phạm Văn Khởi	28.10.1999	3.65	0.05	98	3.7	4,250,000		
2	74564	Nguyễn Đức Mạnh	01.09.1998	2.53	0	80	2.53	3,700,000		
3	74595	Nguyễn Thành Nam	19.09.1999	3.34	0	90	3.34	4,000,000		
Tổng lớp:								11,950,000		
Lớp: KCK55ĐH										
1	57175	Vũ Trung Đức	05.12.1996	3.75	0	95	3.75	4,250,000		
2	57220	Trần Văn Trường	05.06.1994	3.44	0	92	3.44	4,000,000		
3	57226	Hoàng Anh Tú	07.06.1996	3.64	0	95	3.64	4,250,000		
Tổng lớp:								12,500,000		

Lớp: KCK56ĐH										
1	63874	Trần Đức	Anh	04.01.1996	3.35	0	99	3.35	4,000,000	
2	63889	Nguyễn Công	Đức	13.07.1997	3.71	0	100	3.71	4,250,000	
3	63908	Tô Trung	Sơn	02.08.1997	3.78	0	90	3.78	4,250,000	
4	63862	Lưu Thanh	Toàn	09.04.1997	3.43	0	95	3.43	4,000,000	
5	63865	Lê Thanh	Tùng	07.07.1997	3.25	0	95	3.25	4,000,000	
Tổng lớp:									20,500,000	
Lớp: KCK57ĐH										
1	69025	Nguyễn Trung	Đức	07.01.1998	3.09	0	92	3.09	3,700,000	
2	69721	Phạm Quang	Thắng	08.11.1998	2.58	0	83	2.58	3,700,000	
3	70401	Vũ Quang	Trung	25.04.1998	2.6	0	88	2.6	3,700,000	
4	68667	Nguyễn Xuân	Vinh	16.05.1998	3.82	0	95	3.82	4,250,000	
Tổng lớp:									15,350,000	
Lớp: KCK58ĐH										
1	63829	Phạm Văn	Dư	24.12.1996	3.47	0.05	89	3.52	4,000,000	
2	75480	Trịnh Văn	Đồng	26.04.1999	3.88	0	90	3.88	4,250,000	
3	75586	Trần Đình	Khuê	10.12.1999	3.82	0	90	3.82	4,250,000	
4	73413	Đình Tuấn	Minh	01.03.1999	3.74	0	90	3.74	4,250,000	
5	74901	Nguyễn Ngọc	Tú	04.07.1997	3.38	0	89	3.38	4,000,000	
Tổng lớp:									20,750,000	
Lớp: KNL55ĐH										
1	59042	Nguyễn Thị	Dương	22.03.1996	3.65	0	92	3.65	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: KNL56ĐH										
1	64520	Nguyễn Trung	Kiên	26.10.1997	3.71	0	92	3.71	4,250,000	
2	64538	Vũ Văn	Toàn	29.12.1996	3.42	0.05	91	3.47	4,000,000	
Tổng lớp:									8,250,000	
Lớp: KNL58ĐH										
1	75508	Trần Quang	Hải	02.07.1999	3.27	0.05	95	3.32	4,000,000	
Tổng lớp:									4,000,000	
Lớp: KTO55ĐH										
1	59112	Nguyễn Thị	Diên	29.03.1995	3.56	0.05	100	3.61	4,250,000	
2	57577	Nguyễn Trung	Đạt	21.02.1996	3.3	0	95	3.3	4,000,000	
Tổng lớp:									8,250,000	
Lớp: KTO56ĐH										
1	64447	Bùi Trọng	Chúc	29.01.1997	3.76	0.05	95	3.81	4,250,000	
2	64488	Lê Minh	Trung	18.12.1997	3.81	0.05	100	3.86	4,250,000	
Tổng lớp:									8,500,000	
Lớp: KTO57ĐH										
1	67243	Dương Việt	Hoàng	22.12.1998	2.85	0	90	2.85	3,700,000	
2	70104	Trần Đức	Lương	27.05.1998	2.97	0	80	2.97	3,700,000	
3	67501	Đào Duy	Tùng	14.05.1998	3.38	0	90	3.38	4,000,000	
Tổng lớp:									11,400,000	

Lớp: KTO58ĐH										
1	75199	Phạm Hồng	Minh	27.05.1999	3.68	0	90	3.68	4,250,000	
2	75706	Trần Văn	Thạch	10.04.1997	3.24	0.05	100	3.29	4,000,000	
3	74894	Nguyễn Minh	Trường	18.07.1999	3.24	0.05	87	3.29	4,000,000	
4	75364	Phạm Văn	Vinh	08.02.1999	3.32	0	90	3.32	4,000,000	
5	75369	Phạm Văn	Vương	12.08.1999	3.91	0	100	3.91	4,250,000	
Tổng lớp:									20,500,000	
Lớp: MXD55ĐH										
1	59063	Lê Thị Ngọc	My	29.04.1996	4	0.05	97	4.05	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: MXD56ĐH										
1	63238	Vũ Phương	Nhung	29.07.1997	3.04	0.05	92	3.09	3,700,000	
2	63248	Vũ Khắc	Tiến	02.06.1997	2.98	0	85	2.98	3,700,000	
Tổng lớp:									7,400,000	
Lớp: MXD57ĐH										
1	68228	Lê Ngọc	Hân	16.03.1998	2.84	0.05	98	2.89	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Tổng khoa: 48									193,800,000	
Khoa: Viện Môi trường										
Lớp: KHD56ĐH										
1	64715	Bùi Thị Thu	Hiền	02.11.1997	3.9	0.05	95	3.95	4,250,000	
2	64719	Bùi Thị Thu	Hoài	02.11.1996	4	0	92	4	4,250,000	
3	64721	Vũ Quang	Huy	21.07.1997	3.9	0.2	95	4.1	4,250,000	
Tổng lớp:									12,750,000	
Lớp: KHD57ĐH										
1	68194	Lương Quế	Anh	25.11.1998	3.13	0	88	3.13	3,700,000	
2	67596	Đỗ Thu	Thủy	11.12.1998	3.59	0	89	3.59	4,000,000	
Tổng lớp:									7,700,000	
Lớp: KHD58ĐH										
1	74845	Ngô Thị Mỹ	Trang	17.07.1999	3.78	0.05	100	3.83	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: KMT55ĐH1										
1	56994	Bùi Thị	Đào	29.01.1995	3.84	0	90	3.84	4,250,000	
2	56998	Phạm Thị Ngân	Hà	27.03.1996	3.9	0	90	3.9	4,250,000	
3	57015	Phạm Thị Thuỷ	Linh	04.10.1996	3.83	0	90	3.83	4,250,000	
4	57024	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22.09.1996	3.77	0	90	3.77	4,250,000	
5	57042	Phan Thị	Thủy	17.11.1996	3.73	0.2	100	3.93	4,250,000	
Tổng lớp:									21,250,000	
Lớp: KMT55ĐH2										
1	57100	Trương Khải Phước	Thành	07.02.1996	3.77	0.2	98	3.97	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	

Lớp: KMT56ĐH										
1	63747	Trần Mai	Chi	15.04.1996	3.78	0	97	3.78	4,250,000	
2	63708	Nguyễn Thành	Công	06.10.1997	3.68	0.05	95	3.73	4,250,000	
3	63752	Bùi Quốc	Đạt	28.11.1997	4	0.15	100	4.15	4,250,000	
4	63753	Đỗ Thị Thu	Hà	14.07.1997	4	0	90	4	4,250,000	
5	63754	Nguyễn Ngân	Hà	04.02.1997	3.6	0.1	95	3.7	4,250,000	
Tổng lớp:									21,250,000	
Lớp: KMT57ĐH										
1	67491	Đào Thị Thu	Giang	04.10.1998	3.78	0	95	3.78	4,250,000	
2	69074	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	09.12.1998	3.62	0.2	100	3.82	4,250,000	
3	68028	Lê Duy	Hưng	21.08.1998	3.72	0	95	3.72	4,250,000	
4	68884	Ngô Thị	Lữ	03.08.1998	3.78	0	90	3.78	4,250,000	
5	68430	Nguyễn Thị Thu	Thảo	05.10.1998	3.94	0.03	98	3.97	4,250,000	
Tổng lớp:									21,250,000	
Lớp: KMT58ĐH										
1	73728	Lê Nguyên	Anh	27.10.1998	4	0.03	98	4.03	4,250,000	
2	75535	Trương Thị	Hoa	24.09.1999	3.63	0	92	3.63	4,250,000	
3	75301	Phạm Thị Hồng	Thu	23.05.1999	4	0.05	98	4.05	4,250,000	
Tổng lớp:									12,750,000	
Tổng khoa: 25									105,450,000	
Khoa: Viện đào tạo chất lượng cao										
Lớp: CNT57CL										
1	69982	Trần Ngọc	Anh	20.10.1998	2.8	0	80	2.8	3,700,000	
2	69375	Nguyễn Việt	Đan	12.05.1997	2.95	0	83	2.95	3,700,000	
3	68288	Lê Thái	Sơn	08.08.1998	3.47	0	80	3.47	4,000,000	
Tổng lớp:									11,400,000	
Lớp: ĐKT55CH										
1	55444	Lê Anh	Đức	27.12.1996	3.86	0	90	3.86	4,250,000	
2	55379	Kiều Đình	Đương	16.12.1995	3.86	0.05	100	3.91	4,250,000	
Tổng lớp:									8,500,000	
Lớp: ĐKT56CH										
1	62491	Hoàng Minh	Châu	10.05.1997	3.34	0	86	3.34	4,000,000	
Tổng lớp:									4,000,000	
Lớp: ĐKT57CH										
1	68581	Nguyễn Minh	Hiếu	21.10.1998	4	0	95	4	4,250,000	
Tổng lớp:									4,250,000	
Lớp: ĐTD57CL										
1	68737	Nguyễn Thế	Công	27.02.1998	3	0	94	3	3,700,000	
2	69862	Phạm Bảo	Toàn	11.06.1998	2.47	0.05	98	2.52	3,700,000	
Tổng lớp:									7,400,000	
Lớp: KTB56CL										
1	65700	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	21.11.1997	3.83	0	90	3.83	4,250,000	
2	65627	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	04.10.1997	3.67	0	90	3.67	4,250,000	

3	65676	Nguyễn Thị Thu	Hương	08.06.1997	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
4	65678	Dương Đại	Khánh	25.02.1997	3.67	0	90	3.67	4,250,000	
5	65718	Vũ Mỹ	Linh	17.01.1997	3.67	0.05	100	3.72	4,250,000	
6	65650	Trần Thị Phương	Nhi	17.03.1997	3.64	0.05	100	3.69	4,250,000	
Tổng lớp:									25,500,000	
Lớp: KTB57CL										
1	69359	Ngô Hải	Dương	06.12.1996	4	0	90	4	4,250,000	
2	67074	Bùi Thu	Hà	13.12.1998	3.67	0	92	3.67	4,250,000	
3	69998	Trần Thanh	Hoa	22.10.1998	3.6	0	95	3.6	4,250,000	
4	67354	Đình Đức	Huy	20.07.1996	3.7	0	90	3.7	4,250,000	
5	68818	Nguyễn Thùy	Linh	12.12.1998	3.65	0	90	3.65	4,250,000	
6	68126	Lưu Thị Mai	Quỳnh	29.06.1998	3.4	0.05	99	3.45	4,000,000	
7	69674	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	17.11.1998	3.43	0	89	3.43	4,000,000	
Tổng lớp:									29,250,000	
Lớp: KTB58CL										
1	75155	Phùng Trung	Kỳ	18.05.1999	2.92	0	88	2.92	3,700,000	
Tổng lớp:									3,700,000	
Lớp: KTN56CL										
1	65784	Phạm Phương	Hiền	29.11.1997	3.47	0.05	94	3.52	4,000,000	
2	65825	Phạm Thu	Hương	26.08.1997	3.65	0	90	3.65	4,250,000	
3	65788	Trần Diệu	Linh	21.09.1997	3.71	0.05	95	3.76	4,250,000	
4	65790	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17.04.1997	3.77	0	90	3.77	4,250,000	
5	65761	Nguyễn Hà	Phương	03.02.1997	3.41	0	89	3.41	4,000,000	
6	65770	Phạm Thị Hải	Yên	31.08.1997	3.8	0	90	3.8	4,250,000	
Tổng lớp:									25,000,000	
Lớp: KTN57CL										
1	68497	Nguyễn Mai	Anh	18.10.1998	3.9	0.05	90	3.95	4,250,000	
2	70002	Trần Ngọc	Hải	30.09.1996	3.6	0	90	3.6	4,250,000	
3	67328	Đào Thúy	Hương	06.08.1998	3.68	0	90	3.68	4,250,000	
4	68617	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24.05.1998	3.7	0	90	3.7	4,250,000	
5	68615	Nguyễn Đức	Long	03.11.1998	3.42	0	81	3.42	4,000,000	
6	68420	Nguyễn Ngọc	Mai	25.12.1998	3.5	0	89	3.5	4,000,000	
7	69967	Trương Thị Minh	Thu	14.07.1998	3.75	0	90	3.75	4,250,000	
Tổng lớp:									29,250,000	
Lớp: KTN58CL										
1	73317	Đoàn Thanh	Hiền	25.02.1999	3.1	0	88	3.1	3,700,000	
2	73059	Bùi Tùng	Lâm	30.04.1999	3.04	0	76	3.04	3,700,000	
Tổng lớp:									7,400,000	
Lớp: MKT55CH										
1	55678	Vũ Trọng	Huỳnh	03.03.1996	4	0	90	4	4,250,000	
2	55654	Lê Văn	Thường	27.12.1996	4	0	90	4	4,250,000	
Tổng lớp:									8,500,000	
Lớp: MKT57CH										

1	70188	Trương Hải	Nam	17.07.1998	2.98	0	80	2.98	3,700,000
Tổng lớp:									3,700,000
Tổng khoa: 41									167,850,000
Tổng hệ: 537									2,181,350,000

Handwritten signature